TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST.
Ngày 23 tháng 3 năm 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Khanh.

2/ Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào, kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2020/TLST-HS, ngày 26 tháng 02 năm 2020 đối với:

* Bị cáo: **Thạch Minh N**, sinh năm 2001
- Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Dân tộc: Khmer, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: không;
- Nghề nghiệp: làm thuê, trình độ học vấn: không biết chữ;
- Con ông Thạch T và bà Nguyễn Thị C;
- Anh, em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất là bị cáo;
- Tiền án: Không.
- Tiền sự: Ngày 26/6/2019, bị Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với mức phạt 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Bị cáo chưa chấp hành.
- Bị khởi tố ngày 23/12/2019; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Lương Thị N**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* Người bị hại: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp Thành L, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Kim P**, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

* Người làm chứng:

1/ Ông **Giãng Quốc B**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Xóm Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
2/ Ông **Huỳnh Kim Đ**, sinh năm 1974
Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
3/ Anh **Trần Thanh A**, sinh năm 1980
Địa chỉ: ấp X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
4/ Anh **Nguyễn Chí H**, sinh năm 1987.
5/ Em **Lê Văn K**, sinh năm 2003.
Người giám hộ cho Lê Văn K là ông Lê Văn H (vắng mặt).
6/ Em **Huỳnh Quốc C**, sinh năm 2004.
Người giám hộ cho Huỳnh Quốc C là ông Hứa Quốc T (vắng mặt).
7/ Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1958.
8/ Anh **Hứa Quốc T**, sinh năm 1980.
Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
Tất cả người làm chứng đều vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Thạch Minh N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 18 giờ ngày 16/12/2019, bị cáo đi bộ từ nhà đến ấp X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà của anh Trần Thanh B, thuộc ấp X, xã Đ thì bị cáo thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 95H1-002.00 của ông Nguyễn Thanh H dựng trước cửa nhà của anh B, bị cáo không thấy ai trông giữ xe, chỉ nghe có tiếng nói chuyện ở trong nhà sau nên bị cáo đi vào dẫn xe ra lộ đal và đi về hướng Chùa M (thuộc xã T). Khi dẫn xe được một đoạn thì bị cáo hỏi nhóm người của K chổ sửa xe, lúc này K dẫn bị cáo ghé vào tiệm sửa xe của anh Nguyễn Chí H nhờ anh H làm cho xe khởi động. Sau đó bị cáo điều khiển xe đi về nhà lấy nón bảo hiểm chạy ra hướng xã T vào tiệm sửa xe của ông Giãng Quốc B mở cốp xe kiểm tra xăng. Trong lúc ông B đang mở cốp xe thì bạn của bị cáo tên L (không rõ lai lịch) điều khiển xe lại và rủ bị cáo về căn nhà bị bỏ hoang ở Sóc ông T. Khi về tới nhà hoang, L rủ bị cáo đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo và L đi lên thị trấn A, huyện K để mua ma túy của người không rõ lai lịch về nhà bị cáo sử dụng. Đến ngày 17/12/2019, bị cáo điều khiển xe đi chơi và tìm chổ để tiêu thụ xe trộm được, đến khoảng 16 giờ bị cáo đến ngã tư A kêu ông Huỳnh Kim Đ (chạy xe ôm) đi theo bị cáo, ông Đ điều khiển xe chạy theo bị cáo đi đến vựa thu mua phế liệu của chị Nguyễn Kim P, thuộc ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng bán xe với giá là 3.200.000đ (*Ba triệu, hai trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 18 giờ ngày 18/12/2019 bị cáo về nhà thì bị Công an mời về làm việc, tại Cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 55/BB ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện K kết luận: Một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 95H1-002.00, số máy JC43E5976953, số khung 4325BY067861 mua năm 2012, còn giá trị 50%, thành tiền 9.500.000đ (*Chín triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Tại cáo trạng số 03/CT-VKS-H.KS ngày 26/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố bị cáo Thạch Minh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 6 đến 12 tháng tù giam; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác jean màu xám-trắng-đen, 01 quần jean màu xám-trắng-đen, 01 nón kết jean màu xám-trắng-đen, 01 đôi giày da màu đen, 01 nhẫn kim loại màu vàng có cẩn đá sophia màu đỏ. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 185.000 đồng. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người bào chữa cho bị báo phát biểu ý kiến: Thống nhất với bản Cáo trạng, lời luận tội và những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát trình bày, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự, vì bị cáo sinh ra trong một gia đình khó khăn, không được giáo dục đàng hoàng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có trình độ học vấn nên nhận biết pháp luật còn hạn chế và bị cáo có đến 3 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo 03 tháng tù giam.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Người bị hại ông Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim P và tất cả những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Những người này đã có lời khai trực tiếp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử; tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt ông H, chị P và những người làm chứng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Thạch Minh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Khoảng 18 giờ ngày 16/12/2019, bị cáo đi bộ từ nhà đến ấp X, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng tìm tài sản để trộm cắp, khi đến nhà của anh Trần Thanh B, thuộc ấp X, xã Đ thì bị cáo thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 95H1-002.00 của ông Nguyễn Thanh H dựng trước cửa nhà của ông B, bị cáo không thấy ai trông giữ xe nên bị cáo đi vào dẫn xe ra lộ đal và đi đến tiệm sửa xe của anh H nhờ anh H làm cho xe khởi động. Sau đó bị cáo điều khiển xe đi về nhà lấy nón bảo hiểm rồi chạy ra hướng xã T vào tiệm sửa xe của ông B mở cốp xe kiểm tra xăng, sau đó bị cáo và người bạn tên L đi lên thị trấn A, huyện K mua ma túy về nhà sử dụng. Đến khoảng 16 giờ ngày 17/12/2019, bị cáo điều khiển xe đến vựa thu mua phế liệu của chị Nguyễn Kim P bán được 3.200.000 đồng.

[3] Lời nhận tội nêu trên của bị cáo là phù hợp với Cáo trạng của Viện Kiểm sát, lời khai của bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Theo Kết luận định giá tài sản số 55/BB ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K thì giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp của ông H là 9.500.000 đồng.

[5] Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm

b) Đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội được quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật".

[6] Từ phân tích, viện dẫn nêu trên, bị cáo N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Thạch Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[7] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo biết rõ tài sản của người khác không ai được phép xâm phạm, nếu lấy trộm sẽ bị chế tài bằng pháp luật nhưng vì không hăng say lao động sản xuất, muốn hưởng thành quả lao động trên công sức của người khác nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thủ đoạn của bị cáo là lợi dụng đêm tối, không có người trông giữ tài sản nên lén lút lấy trộm chiếc xe của người bị hại với mục đích tiêu xài cá nhân.

[8] Ngoài việc xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt sau này và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chịu sự quản lý, giáo dục của Nhà nước.

[9] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại, vì toàn bộ tài sản bị cáo trộm cắp đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và giao trả cho ông H; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có trình độ học vấn nên trình độ nhận thức về pháp luật bị hạn chế, là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Anh Nguyễn Thanh H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Chị Nguyễn Kim P không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.200.000 đồng mà chị dùng mua xe. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Thanh H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ-đen-bạc, biển kiểm soát 95H1- 00200 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với vật chứng là 01 áo khoác jean màu xám-trắng-đen, 01 quần jean màu xám-trắng-đen, 01 nón kết jean màu xám-trắng-đen, 01 đôi giày da màu đen, 01 nhẫn kim loại màu vàng có cẩn đá sophia màu đỏ là những tài sản do phạm tội mà có, những vật chứng này không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số tiền 185.000 đồng thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử bị cáo từ 6 đến 12 tháng tù, là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Như đã nhận định trên, đề nghị của người bào chữa áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Còn việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp, vì bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị xử phạt hành chính về tội trộm cắp nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, lao động chân chính để tạo thu nhập hợp pháp mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[14] Về án phí: Bị cáo N bị kết án nên phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Thạch Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thạch Minh N. Xử phạt bị cáo Thạch Minh N 9 (chín) tháng

tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc ngày bị bắt thi hành án.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và đểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác jean màu xám-trắng-đen, 01 quần jean màu xám-trắng-đen, 01 nón kết jean màu xám-trắng-đen, 01 đôi giày da màu đen, 01 nhẫn kim loại màu vàng có cẩn đá sophia màu đỏ. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 185.000 đồng.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Thạch Minh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Nhà tạm giữ - CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã X, H. K;
- Bị cáo; đại diện bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm